

# 冷凍・空調機器に含まれる冷媒の二酸化炭素換算値の表示（冷媒の見える化）の実施について

2009年11月より、店舗用エアコンでは、冷媒の二酸化炭素換算値の表示（冷媒の見える化）を行っています。

（社）日本冷凍空調工業会では、地球温暖化防止対策のための自主的取り組みの一環として、エアコンをはじめ冷凍・空調機器に含まれる冷媒の温暖化の影響度合いを表示する冷媒の「見える化」を行うことを決定しました。

この冷媒の「見える化」は、一般消費者や機器のユーザー、機器の設置工事・修理にあたられる方などの広い範囲の方々に対し、冷媒の大気中への排出による地球温暖化の影響をご認識いただき、使用時排出の削減、廃棄時回収率の向上を図ることを目的としています。

「見える化」は、以下の例示のように、当該機器に含まれる冷媒の温暖化の影響度合いを二酸化炭素に換算してその値を表示するとともに、廃棄時などの適切な処理を呼びかける注意喚起表示が行われます。


## ■表示内容及び表示方法

- ①機器本体（室内ユニットと室外ユニット）に、充てんされている冷媒量について地球温暖化係数（GWP）を用いて二酸化炭素の量に換算した数値（冷媒充てん量の二酸化炭素換算値）を表示しております。
- ②大気中への冷媒排出抑制に関する事項（廃棄時の適切な処理を呼びかける）を表示

冷 媒	地球温暖化係数 (GWP)*
R410A	2090
R404A	3920
R407C	1770

\*CO<sub>2</sub>を1とした地球温暖化係数。

**フロン排出抑制法 第一種特定製品**



この製品には冷媒として、HFCが使われています。

(1)フロン類をみだりに大気中に放出することは禁じられています。

(2)この製品を廃棄・整備する場合には、フロン類の回収が必要です。

(3)フロンの種類・冷媒番号・地球温暖化係数(GWP)・数量は、製品銘板あるいはユニット内部の冷媒量記入ラベルに記載されています。

〈表示ラベル例〉

## ■冷媒の二酸化炭素換算値

### (1)業務用ヒートポンプ給湯機

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
業務用 エコキュート	QAHV-N560D	CO <sub>2</sub>	R744	6.8	1
	QAHV-N560D-HWP	CO <sub>2</sub>	R744	6.8	1

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
水熱源 ヒートポンプ	CRHV-P650A	HFC	R407C	8	1770
	BCHV-P450A	HFC	R407C	8	1770
ホットウォーター ヒートポンプ	CAHV-P160AK2-H	HFC	R407C	5.5	1770
	CAHV-P250AK2-H	HFC	R407C	5.5	1770
	CAHV-P500AK2-H	HFC	R407C	11	1770

(2) チリングユニット

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
空冷ヒートポンプチラー DT-II	CAHV-P850A2	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1180A2(H)	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1500A2(H)	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1800A2	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P850A2-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1180A2(H)-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1500A2(H)-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1800A2-P	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P850A2-N	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1180A2(H)-N	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1500A2(H)-N	HFC	R410A	60	2090
	CAHV-P1800A2-N	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P850A2	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1180A2	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1500A2	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1800A2	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P850A2-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1180A2-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1500A2-P	HFC	R410A	60	2090
	CAV-P1800A2-P	HFC	R410A	60	2090
水冷 コンパクトキューブ	MCRV-P1750NA1-D	HFC	R410A	28	2090
	MCRV-P3500NA1-D	HFC	R410A	56	2090
	MCRV-P5250NA1-D	HFC	R410A	84	2090
	MCRV-P7000NA1-D	HFC	R410A	112	2090
	MCRV-P8750NA1-D	HFC	R410A	140	2090
MCRV-P10500NA1-D	HFC	R410A	168	2090	
空冷式 ヒートポンプ	CAH-190C	HFC	R407C	4.5	1770
	CAH-250C	HFC	R407C	6.3	1770
	CAH-375C	HFC	R407C	9	1770
	CAH-500C	HFC	R407C	12.6	1770
	CAH-630D	HFC	R407C	15.3	1770
CAH-750D	HFC	R407C	18.9	1770	
プール施設用	CAH-P500CP1	HFC	R407C	12.4	1770

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
産業用空冷式	MCA-P75B	HFC	R407C	1.8	1770
	MCA-P125B	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190C	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250C	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375C	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500C	HFC	R407C	10.8	1770
	MCA-P630D	HFC	R407C	14.2	1770
	MCA-P750D	HFC	R407C	16.2	1770
	MCA-P75BW	HFC	R407C	1.8	1770
	MCA-P125BW	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190CW	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250CW	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375CW	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500CW	HFC	R407C	10.8	1770
	MCA-P630DW	HFC	R407C	14.2	1770
	MCA-P750DW	HFC	R407C	16.2	1770
	MCA-P125B-PT	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190C-PT	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250C-PT	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375C-PT	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500C-PT	HFC	R407C	10.8	1770
	MCA-P125B-PTN	HFC	R407C	2.8	1770
	MCA-P190C-PTN	HFC	R407C	4.4	1770
	MCA-P250C-PTN	HFC	R407C	5.2	1770
	MCA-P375C-PTN	HFC	R407C	8.8	1770
	MCA-P500C-PTN	HFC	R407C	10.8	1770
	MCAV-P150A	HFC	R407C	2.8	1770
	MCAV-P224A	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P300A	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P450F	HFC	R410A	12.5	2090
	MCAV-P540F	HFC	R410A	13.2	2090
	MCAV-P750F	HFC	R410A	25	2090
	MCAV-P900F	HFC	R410A	25	2090
	MCAV-P150A-SUS	HFC	R407C	2.8	1770
	MCAV-P224A-SUS	HFC	R407C	5.4	1770
	MCAV-P300A-SUS	HFC	R407C	5.4	1770
MCAV-P400E-SUS	HFC	R410A	9.6	2090	
MCAV-P300A-PT	HFC	R407C	5.4	1770	
MCAV-P300A-PTN	HFC	R407C	5.4	1770	
MCAV-P450F1	HFC	R410A	12.5	2090	
MCAV-P540F1	HFC	R410A	13.2	2090	
MCAV-EP600A	HFC	R410A	22	2090	
MCAV-EP750A	HFC	R410A	38	2090	
MCAV-EP900A	HFC	R410A	38	2090	
MCAV-EP1200A	HFC	R410A	44	2090	
MCAV-EP1500A	HFC	R410A	60	2090	
MCAV-EP1800A	HFC	R410A	76	2090	
産業用水冷式	MCR-P150E	HFC	R410A	1.5	2090
	MCRV-P224E	HFC	R410A	2.3	2090
	MCRV-P300E	HFC	R410A	2.3	2090
	MCRV-P450E	HFC	R410A	4.4	2090
	MCRV-P600E	HFC	R410A	4.4	2090
	MCRV-P750E	HFC	R410A	6.9	2090
	MCRV-P900E	HFC	R410A	6.9	2090
	MCR-SP40KE	HFC	R407C	22	1770
	MCR-SP50KE	HFC	R407C	24	1770
	MCR-SP60KE	HFC	R407C	26	1770
	MCR-SP80KE	HFC	R407C	28	1770
	MCR-SP100KE	HFC	R407C	54	1770
	MCR-SP120KE	HFC	R407C	54	1770
	MCR-SP150KE	HFC	R407C	54	1770
	MCR-SP40KEN	HFC	R407C	50	1770
	MCR-SP50KEN	HFC	R407C	50	1770
	MCR-SP60KEN	HFC	R407C	55	1770
	MCR-SP80KEN	HFC	R407C	67	1770
	MCR-SP100KEN	HFC	R407C	110	1770
	MCR-SP120KEN	HFC	R407C	130	1770
MCR-SP150KEN	HFC	R407C	130	1770	

### (3) ブラインクーラ

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数	
水冷式 (単段)	BCL-P150E	HFC	R410A	1.5	2090	
	BCL-SP40E	HFC	R404A	13	3920	
	BCL-SP50E	HFC	R404A	17	3920	
	BCL-SP60E	HFC	R404A	23	3920	
	BCL-SP80E	HFC	R404A	27	3920	
	BCL-SP100E	HFC	R404A	27	3920	
	BCL-SP120E	HFC	R404A	47	3920	
	BCL-SP150E	HFC	R404A	49	3920	
	BCL-SP180E	HFC	R404A	54	3920	
	BCL-SP40EN	HFC	R404A	50	3920	
	BCL-SP50EN	HFC	R404A	55	3920	
	BCL-SP60EN	HFC	R404A	60	3920	
	BCL-SP80EN	HFC	R404A	65	3920	
	BCL-SP100EN	HFC	R404A	65	3920	
	BCL-SP120EN	HFC	R404A	110	3920	
	BCL-SP150EN	HFC	R404A	130	3920	
	BCL-SP180EN	HFC	R404A	140	3920	
	BCL-SP40ES	HFC	R404A	50	3920	
	BCL-SP50ES	HFC	R404A	55	3920	
	BCL-SP60ES	HFC	R404A	60	3920	
	BCL-SP80ES	HFC	R404A	60	3920	
	BCL-SP100ES	HFC	R404A	65	3920	
	BCL-SP120ES	HFC	R404A	75	3920	
	BCL-SP150ES	HFC	R404A	110	3920	
	BCL-SP180ES	HFC	R404A	135	3920	
	BCL-220BSA	HFC	R404A	170	3920	
	BCL-280BSA	HFC	R404A	210	3920	
	BCL-320BSA	HFC	R404A	230	3920	
	水冷式 (インバータ)	BCLV-P224E	HFC	R410A	2.3	2090
		BCLV-P300E	HFC	R410A	2.3	2090
		BCLV-P450E	HFC	R410A	4.4	2090
		BCLV-P600E	HFC	R410A	4.4	2090
BCLV-SP180E		HFC	R404A	52	3920	
BCLV-SP200E	HFC	R404A	56	3920		
水冷式 (二段)	BCS-SP50A	HFC	R404A	45	3920	
	BCS-SP60A	HFC	R404A	50	3920	
	BCS-SP80A	HFC	R404A	60	3920	
	BCS-SP100A	HFC	R404A	65	3920	
	BCS-SP120A	HFC	R404A	70	3920	
	BCS-SP160DA	HFC	R404A	145	3920	
	BCS-SP200DA	HFC	R404A	145	3920	
	BCS-SP240DA	HFC	R404A	145	3920	
	BCS-SP300TA	HFC	R404A	310	3920	
BCS-SP360TA	HFC	R404A	310	3920		

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
一体空冷式	BAL-P75B	HFC	R407C	1.8	1770
	BAL-P125B	HFC	R407C	2.8	1770
	BAL-P190C	HFC	R407C	4.4	1770
	BAL-P250C	HFC	R407C	5.4	1770
	BAL-P375C	HFC	R407C	8.8	1770
	BAL-P500C	HFC	R407C	10.8	1770
	BAL-P630D	HFC	R407C	14.2	1770
	BAL-P750D	HFC	R407C	16.2	1770
一体空冷式 (インバータ)	BALV-P450F	HFC	R410A	12.5	2090
	BALV-P750F	HFC	R410A	25	2090
	BALV-P900F	HFC	R410A	25	2090
	BALV-EN40A	HFC	R410A	54	2090
	BALV-EN50A	HFC	R410A	54	2090
	BALV-EN60A	HFC	R410A	54	2090
	BAOV-EN40AS	HFC	R410A	68	2090
BAOV-EN50AS	HFC	R410A	68	2090	
BAOV-EN60AS	HFC	R410A	68	2090	
リモート空冷式 <sup>※1</sup>	BFL-SP50E	HFC	R404A	105 <sup>※1</sup>	3920
	BFL-SP60E	HFC	R404A	120 <sup>※1</sup>	3920
	BFL-SP80E	HFC	R404A	140 <sup>※1</sup>	3920
	BFL-SP100E	HFC	R404A	160 <sup>※1</sup>	3920

※ 1. リモート空冷式は工場で冷媒封入を行いません。

※ 2. リモート空冷式の換算値は各機器に最低限必要な冷媒封入量を基に算出しております。

現地配管の長さによって異なることがありますので、予めご了承をよろしくお願い致します。

### (4) 産業用除湿機

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
床置形	KFH-P08RB-W	HFC	R407C	0.575	1770
	KFH-P08RB-BK	HFC	R407C	0.575	1770
	KFH-P08RB-W-CM	HFC	R407C	0.575	1770
	KFHV-P7A	HFC	R410A	4.8	2090
	KFHV-P9A	HFC	R410A	4.8	2090
	KFH-P2A1	HFC	R410A	1.4	2090
	KFH-P3A1	HFC	R410A	1.5	2090
	KFH-P5A1	HFC	R410A	3	2090
	KFH-P10A1	HFC	R410A	3.7	2090

シリーズ	機種名	種類	冷媒番号	数量 (kg)	地球温暖化係数
床置形	RF-P2A1(RFH-P2A1)	HFC	R410A	3.2	2090
	RF-P3A1(RFH-P3A1)	HFC	R410A	3.5	2090
	RF-P5A1(RFH-P5A1)	HFC	R410A	6.2	2090
	RF-P10A1(RFH-P10A1)	HFC	R410A	8	2090
天吊形	KEH-P08A1(-RC)	HFC	R407C	0.66	1770
	KUH-P3A1(KEH-SP3A1)	HFC	R410A	2.3	2090
	RUH-P5B1(REH-SP5B1)	HFC	R407C	6.4	1770
	DUH-P3A1(DEH-SP3A1)	HFC	R410A	3.05	2090